

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS - ST
Ngày 26/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đỗ Trung Xuân;

2/ Ông Nông Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Thêu và bà **Đỗ Mai L** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Đinh Xuân Đ (tên gọi khác: Không); sinh ngày 19 tháng 9 năm 1989 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKTT và chỗ ở: **Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: **Đinh Xuân L1** và bà: **Trịnh Thị T**; vợ: **Hà Thị T1**, sinh năm 1990 (Đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án: 02. Năm 2016, **Đinh Xuân Đ** bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138/BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại Bản án hình sự phúc thẩm số 31/HSPT ngày 27/9/2016. **Đinh Xuân Đ** đi chấp hành án phạt tù từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/4/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Năm 2018, **Đinh Xuân Đ** bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194/BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại Bản án số 21/2018/HS - ST ngày 10/8/2018. Ngày 12/10/2022, **Đinh Xuân Đ** chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 26/10/2023 **Đinh Xuân Đ** bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử phạt hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 208/ QĐ - XPTT.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Ông **Nguyễn Hồng Đ1**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Chu Văn H**, sinh năm 1963; địa chỉ: **Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 25/10/2023, **Đinh Xuân Đ**, sinh năm 1989, trú tại **thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** một mình đi bộ vào **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** thuộc **tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**. Sau đó **Đ** đi lên tầng 3, khu nhà C của Bệnh viện rồi đi vào Khoa truyền nhiễm, đi theo dọc hành lang, khi đi đến phòng điều trị số 10 của khoa, **Đinh Xuân Đ** phát hiện không có người trong phòng nên **Đ** mở cửa đi vào phòng và đi đến vị trí giường bệnh số 32 thì phát hiện thấy có 01 (một) chiếc điện thoại di động iPhone 7 Plus màu trắng để trên giường của anh **Nguyễn Hồng Đ1**, sinh năm 1973, trú tại **tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn** (là bệnh nhân đang điều trị tại phòng điều trị số 10, khoa Truyền nhiễm - **Bệnh viện đa khoa tỉnh B**) nên **Đ** đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. Thực hiện ý định của mình, **Đ** liền dùng tay phải lấy điện thoại di động rồi đút vào túi quần bên phải **Đ** đang mặc và nhanh chóng rời khỏi phòng. **Đ** tiếp tục đi bộ xuống cửa hàng mua, bán điện thoại di động Thanh Tuyền thuộc **phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn** với mục đích bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được. Tuy nhiên khi đến cửa hàng để bán thì **Đ** không mở được mặt khẩu màn hình của máy, chủ cửa hàng không mua. Sau đó **Đ** đi lên khu vực **Bệnh viện Đ** cũ thuộc **tổ A, phường N, thành phố B**. Tại đây, **Đ** đưa chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được cho ông **Chu Văn H**, sinh năm 1963, trú tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** (làm nghề xe ôm tại công **Bệnh viện đa khoa tỉnh B**) và thuê ông **H** với số tiền 13.000đ (mười ba nghìn đồng) để ông **H** mang chiếc điện thoại mà **Đ** vừa trộm cắp được đến đưa cho Bảo vệ **Bệnh viện Đ** với mục đích trả lại cho người bị mất trộm. Khi ông **H** mang chiếc điện thoại lên phòng bảo vệ của **Bệnh viện Đ** thì được **Lý Văn T2** (là bảo vệ của **Bệnh viện Đ**) đưa ông **H** xuống **Công an phường H** làm rõ sự việc. Sau khi phát hiện mất tài sản, anh **Nguyễn Hồng Đ1** đã làm đơn đề nghị Công an giải quyết theo quy định.

Công an phường H tiến hành xác minh, xác định **Đinh Xuân Đ** là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh **Đ1**. Vụ việc sau đó được chuyển đến cơ quan CSĐT **Công an thành phố B** để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 232/KL- HĐ ĐGTSTXTTTHS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu trắng đã qua sử dụng có giá trị tài sản là: 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng).

Qua điều tra xác định: **Đinh Xuân Đ** đã bị kết án 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138/BLHS năm 1999 tại bản án số 31/HSST ngày 02/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn. Do có kháng cáo nên Bản án số 31/HSPT ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử – kết quả: giữ nguyên bản án số 31/HSST ngày 02/8/2016. **Đinh Xuân Đ** vào trại chấp hành án từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/4/2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Ngày 07/11/2017 **Đinh Xuân Đ** có hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194/BLHS năm 1999 tại Bản án số 21/HSST ngày 10/8/2018. Ngày 12/10/2022, **Đinh Xuân Đ** chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, tính đến ngày 25/10/2023 chưa được xóa án tích. Do đó hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của **Đinh Xuân Đ** vào ngày 25/10/2023 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông **Nguyễn Hồng Đ1** đã được nhận lại chiếc điện thoại di động và không yêu cầu **Đinh Xuân Đ** bồi thường về dân sự.

Tại Cơ quan điều tra, **Đinh Xuân Đ** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT – VKSTPBK ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo **Đinh Xuân Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

b) Đã bị kết án về tội này....., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo **Đinh Xuân Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Xuân Đ** từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc hộ nghèo, là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại ông **Nguyễn Hồng Đ1** đã được trả lại chiếc điện thoại di động bị mất trộm nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự. Do vậy đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: **Bị cáo thuộc hộ nghèo và đã có đơn xin miễn án phí. Do vậy đề nghị miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.**

- Bị cáo **Đinh Xuân Đ** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

- Người bị hại ông **Nguyễn Hồng Đ1** vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đó xác nhận ông đã được trả lại chiếc điện thoại di động bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo **Đinh Xuân Đ** bồi thường về dân sự. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Chu Văn H** vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong quá trình điều tra, ông **H** có lời khai ông là người làm nghề lái xe ôm, vào ngày 25/10/2023 ông được **Đinh Xuân Đ** thuê với số tiền 13.000đ (mười ba nghìn đồng) để cầm chiếc điện thoại di động mà **Đ** trộm cắp được đem đến đưa cho bảo vệ **Bệnh viện Đ**. Tuy nhiên, tại thời điểm **Đ** thuê ông thì ông không biết đó là tài sản do **Đinh Xuân Đ** phạm tội. Hiện nay ông đã được cơ quan điều tra trả lại số tiền 13.000đ (Mười ba nghìn đồng) do vậy ông không có yêu cầu, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát **thành phố B**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo **Đinh Xuân Đ** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Đinh Xuân Đ là người đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, thì vào ngày 25/10/2023, tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh B**, thuộc **tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**, **Đinh Xuân Đ** lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu trắng có giá trị 500.000,đ (Năm trăm nghìn đồng) của ông **Nguyễn Hồng Đ1** với mục đích mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Mặc dù, **Đinh Xuân Đ** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ (hai triệu đồng). Nhưng trước đó, **Đinh Xuân Đ** đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi trộm cắp tài sản ngày 25/10/2023 của **Đinh Xuân Đ** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; ngày 12/10/2022 bị cáo chấp hành án xong thì đến ngày 25/10/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên; sau đó ngày 26/10/2023 bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** áp dụng biện pháp xử phạt hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy bị cáo đã đi chấp hành án nhiều lần nhưng vẫn không rút ra được bài học cho mình, không chịu tu dưỡng, rèn luyện thành công dân có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó thể hiện bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo, không có ý thức chấp hành pháp luật, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản trộm cắp trị giá 500.000 đồng); trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại chiếc điện thoại cho bị hại ông **Nguyễn Hồng Đ1**, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”, “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông **Đinh Xuân L1** được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành một mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại xác nhận đã được nhận lại tài sản, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu trắng thuộc quyền sở hữu của ông **Nguyễn Hồng Đ1** nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông **Nguyễn Hồng Đ1** là đúng quy định.

Đối với số tiền 13.000đ (Mười ba nghìn đồng), đây là số tiền mà ông **H** nhận tiền công từ **Đinh Xuân Đ**. Quá trình điều tra xác định số tiền trên thuộc quyền sở hữu của ông **Chu Văn H** nên Cơ quan điều tra trả lại ông **H** là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn xin miễn án phí do đó cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ông **Chu Văn H**, sinh năm 1963, trú tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Ông **H** là người làm nghề lái xe ôm, vào ngày 25/10/2023 ông **H** được **Đinh Xuân Đ** thuê với số tiền 13.000đ (mười ba nghìn đồng) để cầm chiếc điện thoại di động mà **Đ** trộm cắp được đem đến đưa cho Bảo vệ **Bệnh viện Đ**. Tuy nhiên, tại thời điểm **Đ** thuê ông **H** thì ông **H** không biết đó là tài sản do **Đinh Xuân Đ** phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông **H** là phù hợp.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Xuân Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Xuân Đ** 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Dinh Xuân Đ.**

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP Bắc Kạn;
- Công an TP Bắc Kạn;
- THADS TP Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

